

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 5 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt;

2. Bà Võ Thị Trúc Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị: Ông Nguyễn Viết Tiến- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà (địa chỉ: Số 45-Lê Lợi, thành phố Đông Hà) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, Quyết định xét xử bổ sung số: 04a/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa :

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài M, sinh năm: 1972;

- Bị đơn: Ông Trần Quang Đ, sinh năm: 1969;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị Thúy V, sinh năm: 1995;

Anh Trần Quang Tr, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2001.

Cùng địa chỉ: Khu phố B, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông Đ và bà M có mặt; chị V và anh Tr vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hoài M trình bày:

1.1- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Hoài M (Sau đây viết tắt là: bà M) với ông Trần Quang Đ (Sau đây viết tắt là: ông Đ) kết hôn trên cơ sở tự nguyện của hai bên, đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 02 năm 1995 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã Đông Hà (nay là thành phố Đông Hà), tỉnh Quảng Trị. Sau ngày cưới, vợ chồng bà M ông Đ về sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng chỉ được đầm ấm, hạnh phúc một thời

gian thì mâu thuẫn phát sinh. Theo bà M, nguyên nhân do ông Đ có những phát ngôn, hành động thiếu chuẩn mực nên năm 2016 bà M đã nộp đơn xin ly hôn ông Đ, được Tòa án hòa giải nên vợ chồng trở lại đoàn tụ, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn lại phát sinh, nguyên nhân do ông Đ không chịu thay đổi mà vẫn tiếp tục có những hành động xúc phạm đến bà M. Do không thể tiếp tục sống chung nên ngày 20 tháng 02 năm 2019, bà M về sống với bố mẹ đẻ (Ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị B; địa chỉ: Khu phố B, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị) cho đến nay. Trong thời gian đó, bà M và ông Đ đã bỏ mặc nhau, mỗi bên tự lo toan cho cuộc sống của mình. Bà M xác định không còn tình cảm với ông Đ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn ông Trần Quang Đ.

2.2- Về con chung:

Trong đơn khởi kiện, bà M trình bày: Vợ chồng Bà có 02 con chung là: Trần Thị Thúy V, sinh năm 1995 và Trần Quang Tr, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2001. Khi ly hôn, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung đối với người con thứ 02 là Trần Quang Tr. Riêng cháu Trần Thị Thúy V đã thành niên và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà M rút yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung, với lý do: các con của Bà (Trần Thị Thúy V và Trần Quang Tr) đã thành niên và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân.

2.3- Về tài sản chung:

Trong đơn khởi kiện, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, bà M rút toàn bộ yêu cầu về tài sản chung. Tòa án đã ra Thông báo số 30/TBTA-HNGĐ về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu.

Tại phiên tòa, bà M tiếp tục đề nghị Tòa án không giải quyết vấn đề tài sản chung.

[2] Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Quang Đ trình bày:

Thừa nhận nội dung bà M trình bày về: Đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thực trạng tình cảm vợ chồng, con chung, là đúng. Nhưng ông Đ cho rằng:

2.1- Về quan hệ hôn nhân: Trong 25 năm chung sống, bà M là người độc đoán, gia trưởng, hà khắc và xem thường ông Đ nhưng Ông vẫn cố gắng chịu đựng để các con của Ông không phải mang tiếng bố mẹ ly hôn. Nay, Ông có thể tiếp tục chịu đựng được và đồng ý để vợ chồng tiếp tục sống ly thân nhưng phải cùng sống chung trong một gia đình, việc ai người nấy làm, mỗi bên tự lo toan cho công việc của mình.

2.2- Về con chung: Ông Đ thừa nhận các con của vợ chồng Ông là Trần Thị Thúy V và Trần Quang Tr đã thành niên và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân.

2.3- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không yêu cầu Tòa

án giải quyết; sau khi nhận được Thông báo số 30/TBTA-HNGĐ của Tòa án về việc nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, ông Đ không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa,

- Ông Đ đồng ý việc bà M rút yêu cầu chia tài sản chung (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất).

- Đề nghị Tòa án xem xét: Nếu bà M kiên quyết xin ly hôn và được chấp nhận thì Ông yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng là khoản tiền mặt khoảng 5 đến 8 tỷ đồng hiện bà M đang cất giữ.

[3] Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 10 tháng 4 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Thị Thúy V và Trần Quang Tr, trình bày: Đồng ý việc bà M rút yêu cầu chia tài sản chung (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất).

*** *Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

* *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý, giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài M là đúng thẩm quyền.

Hoạt động tố tụng của Thẩm phán, Thư ký kể từ khi thụ lý đến trước khi khai mạc phiên tòa và hoạt động tố tụng của Hội đồng xét xử trong quá trình xét xử vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị gì.

* *Về nội dung:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị Hoài M và ông Trần Quang Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng cải thiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài M.

- *Về con chung:* Các con chung của ông Đ bà M đã thành niên và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân; ông Đ bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung:*

Nguyên đơn (bà M) tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

Tại phiên tòa ông Đ đưa ra yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng là khoản tiền mặt khoảng 5 đến 8 tỷ đồng hiện bà M đang cất giữ nhưng yêu cầu của Ông đưa ra sau khi Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Đ có quyền khởi kiện bằng một vụ án độc lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị Hoài M và ông Trần Quang Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 02 năm 1995 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã

Đông Hà (nay là thành phố Đông Hà), tỉnh Quảng Trị. Do đó, hôn nhân giữa bà M và ông Đ là hợp pháp.

Theo nội dung trình bày của bà M; kết quả xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương nơi bà M, ông Đ đang sinh sống cũng như tại bố mẹ đẻ của bà M (Ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị B) có căn cứ để xác định: Bà M đã một lần xin ly hôn ông Đ, được Tòa án hòa giải, hai bên trở lại đoàn tụ nhưng vợ chồng ông Đ bà M chỉ sống đầm ấm, hạnh phúc trong thời rất ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do ông Đ vẫn có những phát ngôn, hành động thiếu chuẩn mực dẫn đến bà M trở về sống với bố mẹ đẻ từ tháng 02 năm 2019 đến nay.

Tại phiên tòa, ông Đ thừa nhận: Kể từ ngày bà M về sống với bố mẹ đẻ đến nay thì mỗi bên tự lo toan cuộc sống của mình, ông Đ chưa một lần đến thăm bà M. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Đ thiết tha mong muốn được đoàn tụ nhưng Ông không có giải pháp cũng như hành động cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng và xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân của vợ, chồng bà M ông Đ đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho bà Nguyễn Thị Hoài M được ly hôn ông Trần Quang Đ.

[2] *Về con chung*: Các con chung của vợ chồng bà M, ông Đ là cháu Trần Thị Thúy V, sinh năm 1995 và Trần Quang Tr, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2001 đã thành niên và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân; bà M và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] *Về tài sản chung*:

Nguyên đơn (bà M) tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất). Hội đồng xét xử thấy: Việc nguyên đơn rút yêu cầu là tự nguyện nên cần chấp nhận và đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút và trả lại cho bà M toàn bộ tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chia tài sản chung theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu tại phiên tòa của ông Đ, cụ thể: Yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng là khoản tiền mặt khoảng 5 đến 8 tỷ đồng hiện bà M đang cất giữ, Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Đ có quyền yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nhưng Ông phải đưa ra yêu cầu trước khi Tòa án mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quá trình giải quyết vụ án ông Đ không đưa ra yêu cầu. Vì vậy, yêu cầu của Ông tại phiên tòa không được chấp nhận để xem xét, giải quyết trong cùng vụ án này. Ông Đ có quyền khởi kiện bằng một vụ án độc lập.

[4] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Hoài M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4, Điều 147; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Hoài M được ly hôn ông Trần Quang Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số: 10/01-1995, do Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã Đông Hà (nay là thành phố Đông Hà), tỉnh Quảng Trị cấp ngày 10 tháng 02 năm 1995).

2. Về tài sản chung:

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với phần yêu cầu giải quyết tài sản chung đã rút.

Bà Nguyễn Thị Hoài M có quyền khởi kiện lại phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hoài M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.300.000 đồng, theo biên lai số AA/2014/0009580 ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Bà M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hoài M 36.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

4. Bà Nguyễn Thị Hoài M và ông Trần Quang Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Thúy V và anh Trần Quang Tr có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- UBND P 1, TP Đông Hà;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Q.Trị;
- Chi cục THADS T.P Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Huy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Huy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Tại: Phòng nghị án

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Tùng;
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Vinh.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
309/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, về việc: Tranh chấp ly hôn
và nuôi con, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Yến Linh, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Khu phố 11 Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc Nam, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Yến Linh và anh Phạm Ngọc Nam là hôn nhân hợp pháp.

- Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Linh với anh Nam đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xử: Cho chị Hoàng Thị Yến Linh được ly hôn anh Phạm Ngọc Nam

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về con chung:

Cháu Phạm Hoàng Kiều Phương, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2017 là con chung duy nhất của chị Linh và anh Nam.

Cháu Phương hiện đang sống với chị Linh.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

